

PHIẾU THU BÀI

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học:

Số TC:.....

Lớp: Thiết kế mỹ thuật hoạt hình K44

Hình thức thi:.....

Ngày thi (kiểm tra):

STT	Họ và tên		Số đề	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	An				
2	Đào Nhật	Anh				
3	Đỗ Phương	Anh				
4	Nguyễn Ngọc Quý	Anh				
5	Đào Thị Nguyệt	Ánh				
6	Nguyễn Khánh	Chi				
7	Nguyễn Thị Kim	Chi				
8	Nguyễn Phong	Đạt				
9	Ngô Thị Hương	Giang				
10	Lê Văn	Hà				
11	Dương Minh	Hằng				
12	Phan Nguyễn Quốc	Huy				
13	Trần Ngọc Giáng	Hương				
14	Ngô Bằng	Linh				
15	Nguyễn Thị Khánh	Linh				
16	Ong Kim	Khánh				
17	Lê Thị Bích	Ngọc				
18	Lê Nguyễn Nguyệt	Nhi				
19	Nguyễn Yến	Nhi				
20	Lê Anh	Thư				
21	Đỗ Thanh	Thảo				
22	Nguyễn Thủy	Tiên				
23	Phạm Đức	Tuấn				
24	Nguyễn Phương	Trang				

25	Lưu Tiến	Trung				
26	Đỗ Hà	Vy				

Giảng viên coi thi 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giảng viên coi thi 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VIẾT

Học kỳ ... , năm học : 20 ... – 20 ...

Môn học:

Số TC:.....

Lớp: Thiết kế mỹ thuật hoạt hình K44

STT	Họ và tên		Số phách	Điểm		Ghi chú
				(Bằng số)	(Bằng chữ)	
1	Nguyễn Văn	An				
2	Đào Nhật	Anh				
3	Đỗ Phương	Anh				
4	Nguyễn Ngọc Quý	Anh				
5	Đào Thị Nguyệt	Ánh				
6	Nguyễn Khánh	Chi				
7	Nguyễn Thị Kim	Chi				
8	Nguyễn Phong	Đạt				
9	Ngô Thị Hương	Giang				
10	Lê Văn	Hà				
11	Dương Minh	Hằng				
12	Phan Nguyễn Quốc	Huy				
13	Trần Ngọc Giáng	Hương				
14	Ngô Bằng	Linh				
15	Nguyễn Thị Khánh	Linh				
16	Ong Kim	Khánh				
17	Lê Thị Bích	Ngọc				
18	Lê Nguyễn Nguyệt	Nhi				
19	Nguyễn Yến	Nhi				
20	Lê Anh	Thư				
21	Đỗ Thanh	Thảo				
22	Nguyễn Thủy	Tiên				
23	Phạm Đức	Tuấn				
24	Nguyễn Phương	Trang				
25	Lưu Tiến	Trung				
26	Đỗ Hà	Vy				

--	--	--	--	--	--

Tổng số bài thi:.....

Ngày khớp điểm:...../...../20.....

Cán bộ khớp điểm
(Ký, ghi rõ họ tên)

Khoa/Trung tâm
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI VẤN ĐÁP, THỰC HÀNH

Học kỳ ... , năm học: 20 ... – 20 ...

Môn học:

Số TC:.....

Lớp: Thiết kế Mỹ thuật Hoạt hình K44

Ngày thi (kiểm tra):.....

STT	Họ và tên		Số phiếu thi	Điểm tổng nhất của 2 GV		Chữ ký SV	Ghi chú
				(Bảng số)	(Bảng chữ)		
1	Nguyễn Văn	An					
2	Đào Nhật	Anh					
3	Đỗ Phương	Anh					
4	Nguyễn Ngọc Quý	Anh					
5	Đào Thị Nguyệt	Ánh					
6	Nguyễn Khánh	Chi					
7	Nguyễn Thị Kim	Chi					
8	Nguyễn Phong	Đạt					
9	Ngô Thị Hương	Giang					
10	Lê Văn	Hà					
11	Dương Minh	Hằng					
12	Phan Nguyễn Quốc	Huy					
13	Trần Ngọc Giáng	Hương					
14	Ngô Bằng	Linh					
15	Nguyễn Thị Khánh	Linh					
16	Ong Kim	Khánh					
17	Lê Thị Bích	Ngọc					
18	Lê Nguyễn Nguyệt	Nhi					
19	Nguyễn Yến	Nhi					
20	Lê Anh	Thư					
21	Đỗ Thanh	Thảo					
22	Nguyễn Thủy	Tiên					
23	Phạm Đức	Tuấn					
24	Nguyễn Phương	Trang					
25	Lưu Tiến	Trung					
26	Đỗ Hà	Vy					

Giảng viên chấm thi 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giảng viên chấm thi 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Khoa

PHIẾU TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC PHẦN

Hình thức đào tạo:

Học kỳ:, năm học: 20... - 20...

Môn học:.....

Số TC:.....

Lớp: Thiết kế mỹ thuật hoạt hình K44

Hình thức thi:.....

STT	Họ và tên sinh viên	Điểm chuyên cần (Hệ số 1)	Điểm TB kiểm tra (Hệ số 3)	Điểm thi học phần (Hệ số 6)	Điểm tổng kết học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nguyễn Văn An					
2	Đào Nhật Anh					
3	Đỗ Phương Anh					
4	Nguyễn Ngọc Quý Anh					
5	Đào Thị Nguyệt Ánh					
6	Nguyễn Khánh Chi					
7	Nguyễn Thị Kim Chi					
8	Nguyễn Phong Đạt					
9	Ngô Thị Hương Giang					
10	Lê Vân Hà					
11	Dương Minh Hằng					
12	Phan Nguyễn Quốc Huy					
13	Trần Ngọc Giáng Hương					
14	Ngô Bằng Linh					
15	Nguyễn Thị Khánh Linh					
16	Ong Kim Khánh					
17	Lê Thị Bích Ngọc					
18	Lê Nguyễn Nguyệt Nhi					
19	Nguyễn Yến Nhi					
20	Lê Anh Thư					
21	Đỗ Thanh Thảo					
22	Nguyễn Thủy Tiên					
23	Phạm Đức Tuấn					
24	Nguyễn Phương Trang					

25	Lưu Tiến Trung					
26	Đỗ Hà Vy					

Nhận phiếu

Ngày.....tháng.....năm 20....

CÁN BỘ PHÒNG ĐT, QLKH và HTQT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

KHOA/TRUNG TÂM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIẢNG VIÊN BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)